FLYERS ENGLISH

Từ vựng A1 Movers: Địa điểm & phương hướng

20 từ chủ đề địa điểm & phương hướng mới ở cấp độ Cambridge A1 Movers, kèm 13 từ ở các cấp độ trước mà con vẫn cần. Mỗi từ có nghĩa dễ hiểu và một câu ví dụ.

Cách dùng danh sách này

1. Mỗi ngày học một chủ đề. Mười đến mười lăm phút là đủ.
2. Cùng con đọc to từ, nghĩa và câu ví dụ.
3. Đánh dấu vào ô khi con nói được từ và đặt được câu với từ đó.

Địa điểm & phương hướng · A1 Movers 20 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **above** *preposition*	Higher than something.	*The picture is above the sofa.*
☐ **below** *preposition*	Lower than something.	*My toys are below my bed.*
☐ **building** *noun*	It is a place with walls and a roof.	*That big building is a school.*
☐ **café** *noun*	A small shop that sells drinks and food.	*I like to drink juice at the café.*
☐ **car park** *noun*	A place to leave your car.	*We parked the car in the car park.*
☐ **circle** *noun*	It is a round shape.	*I drew a big circle on the paper.*
☐ **circus** *noun*	It is a show with clowns and animals.	*I went to the circus with my dad.*
☐ **city/town center** *noun*	The middle part of a city or town.	*We went shopping in the town center.*
☐ **farm** *noun*	A place where people grow food or keep animals.	*My grandpa has a big farm.*
☐ **funfair** *noun*	A funfair is a place with rides and games.	*I went to the funfair last weekend.*
☐ **library** *noun*	A place with many books.	*I got a book from the library.*
☐ **map** *noun*	It shows where things are.	*I used a map to find the park.*
☐ **market** *noun*	It is a place where people buy and sell things.	*We go to the market to buy food.*
☐ **near** *adverb, preposition*	Close to something or someone.	*My house is near the school.*
☐ **opposite** *preposition*	It is not the same.	*North is the opposite of south.*
☐ **place** *noun*	A spot or area.	*This is my favorite place to play.*
☐ **shopping center** *verb*	It is a place with many shops.	*I go to the shopping center with my mum.*
☐ **square** *adjective, noun*	It is a shape with four equal sides.	*My sandwich is cut into a square.*
☐ **straight** *adjective*	Not bent or curved; a line.	*I can draw a straight line with a ruler.*
☐ **supermarket** *noun*	It is a big shop where you buy food.	*We go to the supermarket on Saturdays.*

Cần ôn thêm: từ vựng Pre-A1 Starters 13 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **behind** *preposition*	At the back of something.	*The cat sits behind the box.*

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **between** *preposition*	In the middle of two things.	*The park is between my house and school.*
☐ **bookshop** *noun*	A store sells many books.	*I buy books at the bookshop.*
☐ **here** *adverb*	This is the place.	*I am here with my mum.*
☐ **in front of** *preposition*	It is at the front.	*The teacher stands in front of the class.*
☐ **on** *preposition*	Touching the top of something.	*The book is on the table.*
☐ **park** *noun*	A green place to play.	*We go to the park on Saturdays.*
☐ **playground** *noun*	A place to play outside.	*I like to play at the playground.*
☐ **shop** *noun*	A place to buy things.	*I go to the shop with Mum.*
☐ **store** *noun*	A place that sells things.	*I go to the store with my mum.*
☐ **street** *noun*	A road in a town.	*I walk to school on my street.*
☐ **there** *adverb*	A place that is not here.	*My toys are over there on the floor.*
☐ **under** *preposition*	It is below something else.	*The cat sleeps under the table.*

Nghe phát âm và chơi với các từ này

Danh sách này có hình, âm thanh và trò chơi miễn phí trên FlyersEnglish. Mở trang bên dưới trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

flyersenglish.com/vi/wordlist/movers/places-and-directions

Bám sát danh sách từ vựng chính thức của Cambridge English Young Learners. Nghĩa và câu ví dụ do FlyersEnglish biên soạn. FlyersEnglish không liên kết với Cambridge và không được Cambridge bảo trợ.